

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **41/2019/HS-ST**

Ngày: 23-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Điều Toàn

2. Ông Trần Công Tài

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2019/TLST-HS ngày 25/6/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/QĐXXST-HS ngày 09/7/2019 đối với bị cáo:

Điều D, sinh ngày 28/8/1994 tại Bình Phước; Tên gọi khác: H; Nơi cư trú: Tổ 3, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Stiêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điều H, sinh năm 1953 và bà Thị H₁, sinh năm 1958; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành hình phạt tù xong. Các phần khác chưa chấp hành.

Năm 2014 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phúc thẩm 02 năm tù về tội cưỡng đoạt tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù. Các phần khác chưa chấp hành.

Tiền sự: 22/3/2017 Công an thị xã B, tỉnh Bình Phước phạt hành chính 2.500.000đ hành vi cố ý gây thương tích chưa chấp hành xong.

Nhân thân: Năm 2009 Ủy ban nhân dân huyện C quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 4, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai thời gian 24 tháng.

Năm 2011 Công an xã T, huyện H Quản phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Năm 2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T áp dụng biện pháp giáo dục tại xã do có hành vi gây thương tích; Công an huyện H phạt hành chính 350.000đ hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 23/11/2017 Công an huyện H, tỉnh Bình Phước phạt hành chính 2.500.000đ hành vi cố ý gây thương tích.

Bị bắt từ ngày 01/3/2019 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

Đặng Hữu N, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Điều Thanh T, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 15 phút ngày 01/3/2019 khi Điều Thanh T điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 93P1-530.56 chở Điều D từ thị trấn T về nhà D, khi đi đến đoạn đường thuộc tổ 13, ấp 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước thì gặp lực lượng Công an huyện H kiểm tra phát hiện trên người Điều D có một gói nylon hàn kín bên trong có tinh thể màu trắng, D khai đó là ma túy đá do D nhờ Đặng Hữu N mua hộ vào ngày 28/02/2019 D đã sử dụng cùng với N, T một ít, số còn lại D cất trong người mục đích để sử dụng. Tổ công tác đã lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng trong đó có 01 gói nylon trong suốt hàn kín đựng chất dạng tinh thể trắng nghi là ma túy.

Sau khi thu giữ đã lập biên bản niêm phong đưa đi giám định.

Theo kết luận giám định số 46/2019/GĐ-MT ngày 06/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

Tinh thể màu trắng có trong 01 gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng là **0,1521 gam**, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSHQ ngày 24 tháng 6 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Điều D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma

túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Điều D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Điều D từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Bị cáo tranh luận: Bị cáo Điều D tranh luận với Kiểm sát viên vì sao bị cáo bị truy tố tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Đôi đáp của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa: Kiểm sát viên căn cứ vào hướng dẫn tại công văn số 64/PC-TANDTC ngày 03/4/2019 về việc xác định tiền án, sau khi bị cáo đã nghe đôi đáp của Kiểm sát viên cũng như giải thích của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận và không còn ý kiến tranh luận. Bị cáo không kêu oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về cùng gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Điều D khai nhận gói ma túy bị lực lượng Công an thu giữ vào lúc 02 giờ 30 phút ngày 01/3/2019 là của bị cáo nhờ Đặng Hữu N mua sau khi N mua được ma túy, D, N và T ã sử dụng hết một ít, số còn lại bị cáo cất lại để sử dụng tiếp. Ngoài ra không có mục đích gì khác.

Tuy nhiên, qua làm việc với Đặng Hữu N, N không nhận có mua hộ ma túy cho D, qua tiến hành đối chất N cũng không thừa nhận, ngoài lời khai của D, không còn tài liệu gì khác chứng minh việc N là người đi mua ma túy cho D nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự của N.

Tuy nhiên việc N và T có hành vi sử dụng ma túy cùng với Điều D Công an huyện H đã xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với Điều , do trước đó bị cáo đã có 2 tiền án chưa được xóa án tích, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản truy tố bị cáo Điều Dững về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, hành vi sử dụng ma túy là tệ nạn xã hội, làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe bản thân bị cáo, tạo ra gánh nặng cho gia đình và xã hội, là mầm mống của các tệ nạn xã hội khác.

Bị cáo biết rõ việc tàng trữ, sử dụng chất ma túy bị pháp luật cấm, người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên cần có một hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân xấu, đã có 2 tiền án và đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính với nhiều hành vi khác nhau, nhưng bị cáo không biết sửa đổi do vậy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa áp dụng hình phạt tù có thời hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Vật chứng vụ án:

Số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại: 0,1001 gam là chất cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 quần jean, 01 quạt gas của bị cáo đã cũ không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: bị cáo Điều D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều D 06 (sáu) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày 01/3/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Điều D trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[3] Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại: 0,1001 gam, 01 quạt gas, 01 quần Jeans màu đen-xám.

Vật chứng đã được chuyển theo quyết định chuyển vật chứng số 27/QĐ-VKSHQ ngày 24/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Điều D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNVCS CA H;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thành Liêm

